

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (Ban KT-NS) đã thẩm tra các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 20 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO (04 BÁO CÁO)

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

1. Kết quả thực hiện

Trong 06 tháng đầu năm 2024, lĩnh vực kinh tế của tỉnh có sự phát triển ổn định, một số chỉ tiêu quan trọng có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Một số lĩnh vực chủ yếu đạt được kết quả như sau:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt **4,54%**, tăng 1,25 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,8% so với quý I/2024 (1,74%).

- Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: mức tăng trưởng đạt **4,03%**; tăng 2,01 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Diện tích trồng trọt được duy trì và đảm bảo mùa vụ, ước sản lượng một số cây lương thực chính vụ xuân và diện tích, sản lượng cây trồng có lợi thế tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) ước đạt 3.528,2 tỷ đồng, đạt 47,8% KH, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 6,77 % so với cùng kỳ¹. Giá trị sản xuất tiêu thụ công nghiệp (theo giá hiện hành) tính chung 6 tháng đầu năm ước đạt 388,93 tỷ đồng, bằng 89,4% so với cùng kỳ, đạt 39,8% KH.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.063,94 tỷ đồng, đạt 49,93 % KH, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước.

¹ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 19% so với cùng kỳ; Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,79% so với cùng kỳ; Sản xuất và phân phối điện: tăng 10,12% so với cùng kỳ; Cung cấp nước và xử lý rác, nước thải: tăng 5,08% so với cùng kỳ.

+ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch XNK qua địa bàn đạt 476,28 triệu USD, tăng 67,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt 66,5% KH

+ Lĩnh vực dịch vụ du lịch tiếp tục tăng trưởng tốt, tổng lượt khách ước đạt 1.038.000 lượt, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 47,1% KH;

+ Kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải tăng trưởng tốt, doanh thu ước đạt 194,31 tỷ đồng, tăng 14,48% so với cùng kỳ năm 2023.

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng: Kết quả giải ngân đến hết ngày 31/5/2024 (*tính theo số vốn đã giao chi tiết*) giải ngân của tỉnh là 642,208/5.651,427 tỷ đồng, bằng 11,4% kế hoạch.

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách:

+ Tính đến 31/5/2024 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 1.047 tỷ đồng, đạt 59% Dự toán TW, đạt 55% Dự toán HĐND tỉnh giao; Ước 6 tháng đầu năm 2024, tổng thu ngân sách trên địa bàn 1.191 tỷ đồng; đạt 67,3% dự toán TW giao; đạt 62,1% dự toán HĐND giao; tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 01/6/2024 là 3.216,870 tỷ đồng, đạt 24% dự toán TW giao, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 23% so với cùng kỳ năm trước; Ước 6 tháng đầu năm 2024, tổng chi ngân sách trên địa bàn 4.246 tỷ đồng; đạt 32% dự toán TW giao; đạt 32% dự toán HĐND giao; tăng 30% so với cùng kỳ năm trước

- Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã: Đến ngày 31/5/2023: Thành lập mới 59 doanh nghiệp, đạt 34,7% KH. Có 46 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2023. Số dự án được cấp mới Chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư là 01 dự án.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), 6 tháng đầu năm 2024 đạt 4,54%: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh phân tích, đánh giá khả năng thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng GRDP 8% của năm 2024?

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh đánh giá các nội dung thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 tại báo cáo cần bám sát Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Cao Bằng.

(3) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ nguyên nhân, những hạn chế, tồn tại và đưa ra các giải pháp thực hiện đối với một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đang đạt thấp và đánh giá khả năng thực hiện của cả năm, cụ thể:

- Tiến độ thực hiện đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà, đến ngày 31/5/2024 mới di dời 145 hộ, đạt 7,61% KH năm 2024 (1.905 hộ); đạt 4,36 % KH năm 2024 -2025 (3.324 hộ).

- Công tác tiêm phòng các loại dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm tiêm được 647.636 liều, đạt 39,5% KH, trong khi đó, một số dịch bệnh vẫn xảy ra rải rác trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng: Theo Chỉ tiêu kinh tế năm 2024, tốc độ tăng trưởng GRDP lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng là 11,35%, tuy nhiên, 06 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng trưởng lĩnh vực này đang (-1,56%).

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp: được 642,208/5.651,427 tỷ đồng, bằng 11,4% kế hoạch (*đến hết tháng 5/2024, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cả nước ước đạt 22,34% kế hoạch*), trong đó: Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 được 93,227/1.222,810 tỷ đồng, bằng 7,6% kế hoạch; giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được 548,981/4.428,618 tỷ đồng, bằng 12,4% kế hoạch (*làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; nêu cụ thể các dự án, các chủ đầu tư thực hiện giải ngân đạt thấp*).

- Chi ngân sách địa phương có tăng so với cùng kỳ năm 2023, tuy nhiên, ước đạt 6 tháng đầu năm là 4.246 tỷ đồng, mới đạt 32% dự toán TW giao, đạt 32 dự toán HĐND tỉnh.

- Việc triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất còn chậm và chưa hiệu quả.

(4) Một số nội dung Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung:

- Kết quả thực hiện của một số cây trồng đặc trưng, có giá trị cao của tỉnh như: Mận, quế, hồi, ...

- Kết quả thực hiện chương trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án năm 2024; kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(5) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương chủ động, quyết liệt, nỗ lực và có những giải pháp cụ thể hơn nữa trong thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

II. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024

1. Kết quả thực hiện

1.1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách trên địa bàn trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2024 thu đạt 1.047,64 tỷ đồng, trong đó:

* **Thu nội địa:** thu được 558,72 tỷ đồng, bằng 47% dự toán TW giao, bằng 42% dự toán HĐND giao, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2023.

* **Thu xuất nhập khẩu:** Thu được 483,92 tỷ đồng, bằng 83% dự toán TW giao, bằng 81% dự toán HĐND giao, bằng 149% so với cùng kỳ năm 2023.

- Kết quả thực hiện dự toán một số khoản thu, sắc thuế chủ yếu:

+ Ước trong 6 tháng đầu năm và cơ bản tăng so với cùng kỳ năm 2023 như: Khu vực Doanh nghiệp Nhà nước địa phương: thu đạt 29,6 tỷ đồng, bằng 40,2% dự toán; Khu vực Công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: thu đạt 225,8 tỷ đồng, bằng 55,3% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân: thu đạt 51,1 tỷ đồng, bằng 73,5% dự toán; Phí bảo vệ môi trường: thu đạt 42,9 tỷ đồng, bằng 53,7% dự toán, tăng 36,8% so với cùng kỳ năm 2023; lệ phí trước bạ: thu đạt 41,8 tỷ đồng, bằng 60,9% dự toán...

+ Một số ít khoản thu dưới mức 50%, đặc biệt có những khoản thu chỉ đạt khoảng 20% so với dự toán tỉnh giao như: Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thu tiền sử dụng đất.

+ Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố: Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 360,47 tỷ đồng, bằng 53% dự toán HĐND giao, bằng 110% so với cùng kỳ năm 2023. Tiến độ thu 6 tháng đầu năm của các địa phương không đồng đều, có địa phương ước thực hiện chỉ đạt 36% (Hòa An), 39% (Bảo Lâm), thấp hơn nhiều so với địa phương cao ước đạt được 87% (Hà Quảng).

* **Thu thuế xuất nhập khẩu:**

Ước 6 tháng đầu năm, thu xuất nhập khẩu đạt 550 tỷ đồng, bằng 94,8% dự toán TW giao, bằng 91,7% dự toán HĐND giao, bằng 129% so với cùng kỳ. Trong đó, một số mặt hàng có số thu cao: ô tô các loại: 288,95 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023; than cốc và than khác: 11,43 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2023; máy móc thiết bị: 6,83 tỷ đồng, tăng 151% so với cùng kỳ năm 2023.

1.2 Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 4.246 tỷ đồng, so với dự toán TW giao đạt 32%, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 32%. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 1.065,15 tỷ đồng, đạt 29,8% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp: 3.177,52 tỷ đồng, đạt 33% dự toán HĐND tỉnh giao.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

3.1. Cơ bản nhất trí với nội dung UBND tỉnh đã đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế tồn tại và một số nguyên nhân tác động đến kết quả thực hiện thu NSNN: một số chính sách pháp luật có hiệu lực đã tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước; việc tổ chức bán đấu giá các cơ sở nhà, đất gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan; Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa

và nhỏ, chưa hình thành khu, cụm công đồng, chưa thu hút được doanh nghiệp lớn đầu tư sản xuất.

3.2. Tại cuộc họp thẩm tra, các Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan liên quan về: (1) Số nợ thuế đến 30/6/2024 ước còn cao, các biện pháp đôn đốc xử lý nợ đọng thuế và giải pháp đối với các đơn vị nợ lâu ngày tránh để phát sinh thành nợ khó thu; (2) Kết quả đấu giá quyền sử dụng đất với, đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất hiện còn thấp và các giải pháp đột phá hơn để tăng số thu theo kế hoạch; (3) Số thu bị giảm do chính sách mới làm giảm thu nguồn thu dự kiến từ các nguồn thu khác để đảm bảo dự toán thu; (4) Nội dung kinh phí bổ sung cho các đơn vị 06 đầu năm 2024 (156,158 tỷ đồng); (5) Báo cáo về phân vốn hiện nay chưa phân bổ; (6) Báo cáo một số nội dung về vốn bố trí và tình hình sử dụng đối với một số chính sách cử tri quan tâm như phát triển khoa học công nghệ, du lịch cộng đồng, hỗ trợ nhà tạm, nhà dột nát, hỗ trợ nhà văn hóa, di dời chuồng trại.

3.3. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tiếp tục đề nghị UBND tỉnh thực hiện làm rõ các vấn đề sau:

(1) Đề nghị UBND tỉnh đánh giá bổ sung Nguyên nhân của tình trạng thực hiện nhiệm vụ chi đạt kết quả thấp (28% dự toán HĐND tỉnh giao), giải pháp thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2024 có đảm bảo thực hiện đạt các nhiệm vụ chi theo quy định không?

(2) Hiện nay, trong báo cáo của UBND tỉnh mới chi tiết kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của 10 đơn vị cấp huyện (8.504,608 tỷ đồng). Đề nghị UBND tỉnh đánh giá bổ sung kết quả thực hiện nhiệm vụ chi của các đơn vị cấp tỉnh (4.530,261 tỷ đồng) chưa được đánh giá.

(3) Bổ sung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện giải ngân vốn đầu tư, các giải pháp cụ thể hơn để tăng cường giải ngân đầu tư công, góp phần tăng thu ngân sách từ các doanh nghiệp thực hiện trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

(4) Bổ sung nguyên nhân việc thực hiện nhiệm vụ chi còn thấp, các giải pháp cụ thể cải thiện thực hiện Chi ngân sách trong 6 tháng cuối năm.

(5) Bổ sung số liệu chứng minh kết quả thực hiện các kết luận kiểm toán.

(6) Bổ sung giải pháp cụ thể hơn để tăng cường giải ngân đầu tư công.

III. Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024

1. Kết quả đạt được

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với đánh giá của UBND tỉnh đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Qua đó đạt được một số kết quả ở các lĩnh vực:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, đã ban hành 134 văn bản (*đạt 96% kế hoạch, bằng 129% so với năm 2023*); sửa đổi, bổ sung 16 văn bản (*đạt 89% kế hoạch, bằng 107% so với năm 2023*) quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ. Các cơ quan, đơn vị chỉ trình cấp thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết. Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 32 cuộc (*đạt 47% kế hoạch, bằng 46% so với năm 2023*).

- Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

+ Trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán: Đối với thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: Tổng số kinh phí tiết kiệm là 74.397/148.794 triệu đồng, đạt 50% so với tổng dự toán TW giao năm 2024 (cấp tỉnh là 47.528 triệu đồng, cấp huyện là 26.869 triệu đồng); Đối với thực hiện thẩm định dự toán của các đơn vị: số kinh phí tiết kiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 516.157 triệu đồng/1.263.803 triệu đồng kinh phí các đơn vị đề nghị.

+ Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước: Về chi quản lý hành chính: tiết kiệm 3.861 triệu đồng (*đạt 33% kế hoạch năm 2024, bằng 27% so với năm 2023*).

+ Trong sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ: Số tiền vi phạm đã phát hiện là 71 triệu đồng (*bằng 6% so với năm 2023*) đối với 09 đơn vị (*bằng 16% so với năm 2023*).

- Trong sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ: Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, không đúng chế độ đã được phát hiện là 29 đơn vị (*bằng 96,67% so với năm 2023*). Số tiền chi không đúng quy định đã phát hiện là 359 triệu đồng.

- Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: Số kinh phí tiết kiệm trong đầu tư xây dựng là 19.260 triệu đồng, bằng 47% so với năm 2023 (*tiết kiệm do đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 18.389 triệu đồng; tiết kiệm trong đầu tư, thi công là 252 triệu đồng; tiết kiệm trong thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 620 triệu đồng*).

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Đã xử lý 03 vụ và thu xử phạt trong khai thác, sử dụng tài nguyên số tiền là 560 triệu đồng.

- Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất kinh doanh là 393 triệu đồng, đạt 94% so với kế hoạch năm 2024 và đạt 89% so với kết quả năm 2023.

2. Các vấn đề cần bổ sung, làm rõ

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ đối với một số vấn đề, thông tin, cụ thể:

(1) Bổ sung nội dung đánh giá về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024 (các thông tin đưa ra hiện nay chủ yếu là các thông tin mang tính chất liệt kê).

(2) Đối với việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng có nêu: *“UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ pháp lý của các cơ sở nhà, đất, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu ban hành Quyết định xử lý cơ sở nhà, đất theo phương án tổng thể được phê duyệt”*, đề nghị làm rõ số liệu cụ thể đạt được hiện nay và đạt được bao nhiêu % kế hoạch đã đề ra.

(3) Số tiền vi phạm đã phát hiện là 71 triệu đồng (bằng 6% so với năm 2023) đối với 09 đơn vị (bằng 16% so với năm 2023) tương đương trung bình khoảng 8 triệu đồng/1 đơn vị là khá thấp, giảm đi rất nhiều so với năm 2023, đề nghị làm rõ nguyên nhân và đánh giá có nguyên nhân do chất lượng thực hiện của các đơn vị đã tăng lên hay không.

(4) Đề nghị bổ sung số liệu tổng số quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh? và tổng số tiền của từng loại quỹ?

IV. Báo cáo tình hình triển khai, phân bổ kinh phí hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở

1. Kết quả thực hiện

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1739/QĐ-TTg về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương (NSTW) năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở. Trong đó, tỉnh Cao Bằng được hỗ trợ 100,0 tỷ đồng. UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2023 được giao tại Quyết định số 1739/QĐ-TTg, cụ thể:

- Tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, UBND tỉnh giao 4,612 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2023 đối với 08 dự án tại huyện Bảo Lạc (04 dự án) và huyện Bảo Lâm (04 dự án).

- Tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 25/5/2024 về việc giao vốn hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở, UBND tỉnh giao 95,368 tỷ đồng để thực hiện 02 dự án khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở tại Thành phố Cao Bằng và huyện Bảo Lâm. Sau khi được phân bổ vốn, các chủ đầu tư đã tiến hành tổ chức đấu thầu và thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

Tại khoản 3 Điều 42 Luật Đầu tư công 2019 quy định: *“Điều 42. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp*

3. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Chính phủ việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần

nhất.”. Do đó, việc UBND tỉnh Cao Bằng báo cáo tình hình triển khai, phân bổ kinh phí hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở là đúng quy định.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với các nội dung UBND tỉnh đã báo cáo. Tuy nhiên, để làm rõ, bổ sung thông tin cho đại biểu HĐND tỉnh thảo luận thông qua tại Kỳ họp và tạo sự thống nhất số liệu với các báo cáo khác có liên quan, đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

(1) Bổ sung biểu tổng hợp kèm theo báo cáo về các nội dung liên quan đến các dự án được phân bổ (*như số vốn đã phân bổ, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, tình hình thiệt hại, tiến độ thực hiện, số liệu giải ngân ...*).

(2) Bổ sung nội dung về tiến độ thực hiện và tình hình giải ngân của các dự án đã nêu trong báo cáo.

(3) Làm rõ lý do còn 20 triệu đồng chưa phân bổ vì theo 02 Quyết định của UBND tỉnh (*số 99/QĐ-UBND ngày 26/01/2024; số 336/QĐ-UBND ngày 25/5/2024*), tổng số vốn đã phân bổ là 99.980 triệu đồng.

Đồng thời, nếu có phát sinh báo cáo nội dung này trong các kỳ họp sau thì cần tích hợp nội dung vào báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước (*tránh tình trạng phải ban hành 02 báo cáo*).

B. ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN (02 TỜ TRÌNH)

I. Tờ trình của Ủy ban nhân tỉnh xin ý kiến về việc tổ chức sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Về hồ sơ trình xin ý kiến: Hồ sơ dự thảo việc tổ chức sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đủ thành phần theo Công văn số 261/HĐND-VP ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Về sự cần thiết, thẩm quyền, hình thức cho ý kiến

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Cao Bằng đang hoạt động theo mô hình Hội đồng quản lý là không còn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (*Quỹ hợp tác xã địa phương có 02 mô hình là Hợp tác xã và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*).

Tại khoản 5 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP quy định:

“5. Đối với các Quỹ hợp tác xã đã thành lập và đang hoạt động trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: Tối đa trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ hợp tác xã phải rà soát, tổ chức sắp xếp lại:

Theo quy định nêu trên, trong trường hợp hoạt động theo mô hình Công

ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm điều chỉnh quyết định thành lập đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP quy định:

“b) Quyết định việc thành lập, cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, phá sản, giải thể Quỹ hợp tác xã địa phương theo đề nghị của Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh, trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tư pháp sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình xin ý kiến về việc tổ chức sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng là cần thiết và HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến là đúng thẩm quyền.

Đồng thời, do là nội dung xin ý kiến thông qua của HĐND tỉnh (*UBND tỉnh không đề nghị xây dựng, ban hành nghị quyết riêng*) nên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị hình thức cho ý kiến của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ý kiến thảo luận và kết quả thông qua đối với báo cáo xin ý kiến được ghi nhận trong Nghị quyết kỳ họp thứ 20 (thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Về nội dung xin ý kiến

3.1. Tổ chức sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

3.2. Mô hình hoạt động: Theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3.3. Về phương thức tổ chức điều hành: Thành lập bộ máy tổ chức, quản lý điều hành và Ủy thác cho các tổ chức tài chính tại địa phương để quản lý.

3.4. Cơ cấu tổ chức, bộ máy: Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Cao Bằng, gồm: Chủ tịch Quỹ; Kiểm soát viên; Ban điều hành gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

3.5. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ đáp ứng theo khoản 4 Điều 15 và khoản 1 Điều 37 Nghị định 45/2021/NĐ-CP là 20.000 triệu đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

- Nguồn hình thành vốn điều lệ: Được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm theo kế hoạch: năm 2026: 5.000 triệu đồng, năm 2027: 5.000 triệu đồng, năm 2028: 5.000 triệu đồng. Đến năm 2028 vốn điều lệ đạt: 35.095 triệu đồng. Trong đó bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh 35.000 triệu đồng; Vốn bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 95 triệu đồng.

4. Kết luận, kiến nghị

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung xin ý kiến như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, để có đủ điều kiện báo cáo thẩm tra tại Kỳ

hợp, làm cơ sở để các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh, chỉ đạo cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan chỉnh sửa, bổ sung, tiếp tục làm rõ các nội dung sau:

4.1. Giải trình, làm rõ về cơ sở, căn cứ, ưu điểm, sự phù hợp với thực tiễn khi lựa chọn mô hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Cao Bằng theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4.2. Làm rõ về phương án, giải pháp, biện pháp đảm bảo về cơ cấu tổ chức, bộ máy và các nội dung liên quan khi chuyển đổi sang mô hình công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, để hoạt động đúng quy định của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4.3. Bổ sung văn bản, tài liệu chứng minh đã thực hiện và được chấp thuận theo yêu cầu tại thông báo Kết luận của đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 6 năm 2024 cụ thể: Đề nghị UBND tỉnh tham mưu cho Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. Tờ trình của UBND tỉnh Cao Bằng xin ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng

I. Về hồ sơ trình xin ý kiến

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nhận được hồ sơ xin ý kiến HĐND tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của UBND tỉnh gồm: Tờ trình số 1600/TTr-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh về xin ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025; Dự thảo Báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng.

Như vậy, UBND tỉnh đã gửi hồ sơ xin ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng đến Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đủ thành phần theo Thông báo số 178/TB-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh nhưng thời gian gửi hồ sơ chậm so với yêu cầu tại Công văn số 261/HĐND-VP ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh (*chậm nhất là ngày 27/6/2024*).

II. Về sự cần thiết, thẩm quyền, hình thức cho ý kiến

Theo quy định về trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm tại khoản 5 Điều 56 Luật Đầu tư công thì: *“Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau”*.

Căn cứ quy định nêu trên, việc UBND tỉnh trình xin ý kiến HĐND tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

Nội dung UBND tỉnh xin ý kiến HĐND tỉnh thông qua đối với báo cáo (*UBND tỉnh không đề nghị xây dựng, ban hành nghị quyết riêng*) nên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị hình thức cho ý kiến của HĐND tỉnh thực

hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ý kiến thảo luận và kết quả thông qua đối với báo cáo xin ý kiến được ghi nhận trong Nghị quyết kỳ họp thứ 20 (thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

III. Về nội dung xin ý kiến

1. Nội dung UBND tỉnh trình xin ý kiến

Dự kiến tổng số vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng là: 6.866.956,106 triệu đồng, bao gồm:

(i) Vốn ngân sách nhà nước là: 6.856.156,106 triệu đồng.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 1.524.007,035 triệu đồng;

- Vốn ngân sách trung ương: 5.329.304,071 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương vốn trong nước: 5.292.702,047 triệu đồng.

+ Ngân sách Trung ương vốn nước ngoài: 36.602,024 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 2.845 triệu đồng.

(ii) Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật: 10.800 triệu đồng.

1.1. Vốn ngân sách nhà nước

1.1.1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Dự kiến tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng năm 2025 là: 1.524.007,035 triệu đồng, bao gồm:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 1.209.707,035 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 300.000 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 14.300 triệu đồng.

a. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước:

Dự kiến chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 1.209.707,035 triệu đồng, với cơ cấu như sau: Phần phân bổ cho cấp huyện quản lý, điều hành: 137.843,530 triệu đồng; Phần cấp tỉnh quản lý, điều hành: 1.071.863,505 triệu đồng.

Đối với phần vốn cấp tỉnh điều hành, quản lý, phân bổ như sau:

- Trả nợ gốc các dự án ODA trong giai đoạn 2021-2025: 8.899,242 triệu đồng;

- Trả phí, lãi vay các dự án ODA: 8.515 triệu đồng;

- Dự phòng chung: 141.248,512 triệu đồng.

- Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực là 913.200,751 triệu đồng.

b. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Dự kiến đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 300.000 triệu đồng.

c. Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết

Dự kiến đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 14.300 triệu đồng.

1.1.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương

Dự kiến tổng số vốn ngân sách Trung ương tỉnh Cao Bằng năm 2025 là: 5.329.304,071 triệu đồng, bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương vốn trong nước: 5.292.702,047 triệu đồng.

+ Ngân sách Trung ương vốn nước ngoài: 36.602,024 triệu đồng.

a. Nguồn ngân sách trung ương vốn trong nước:

(i) Ngân sách Trung ương theo tiêu chí, định mức cho các ngành, lĩnh vực

Dự kiến kế hoạch vốn NSTW theo tiêu chí, định mức cho các ngành, lĩnh vực năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 2.599.907,44 triệu đồng bố trí thực hiện 11 dự án.

(ii) Ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Dự kiến kế hoạch vốn NSTW thực hiện các chương trình MTQG năm 2025 tỉnh Cao Bằng là: 2.692.794,600 triệu đồng (bao gồm vốn đầu tư 1.041.076 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.651.718,600 triệu đồng).

b. Nguồn ngân sách trung ương vốn nước ngoài:

Dự kiến kế hoạch vốn NSTW vốn nước ngoài năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 36.602,024 triệu đồng, phân bổ cho 03 dự án.

1.1.3. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ

Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 2.845 triệu đồng, phân bổ cho 02 dự án.

1.2. Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật

Dự kiến kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 10.800 triệu đồng bố trí thực hiện 02 dự án.

2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

2.1. Báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng được UBND tỉnh lập tuân thủ theo hướng dẫn tại Chỉ thị số 17/CT-TTG ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng.

2.2. Tại cuộc họp thẩm tra, các Thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: Vốn ngân sách trung ương 18.050 triệu đồng hiện nay chưa phân bổ; Nội dung thu hồi vốn ứng 18 tỷ từ giai đoạn trước đến thời điểm hiện nay mới có văn bản thu hồi; Phương án dự kiến sử dụng vốn dự phòng của giai đoạn 2021-2025.

2.3. Để có thêm thông tin, nâng cao chất lượng báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng cũng như báo cáo thẩm tra trình bày tại Kỳ họp, làm cơ sở để các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh, chỉ đạo cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan chỉnh sửa, bổ sung, tiếp tục làm rõ các nội dung sau:

(1) Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do đối với các nguồn vốn dự kiến năm 2025 chưa phân bổ hết so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 1.524.007,035 triệu đồng/1.590.572,471 triệu đồng (còn lại chưa phân bổ: 66.565,436 triệu đồng)?

- Ngân sách trung ương vốn nước ngoài: 36.602,024 triệu đồng/352.816 triệu đồng (còn lại chưa phân bổ: 316.213,976 triệu đồng)?

(2) Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do đối với nguồn vốn: Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật dự kiến năm 2025 chưa phân bổ hết so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là: 26.982 triệu đồng?

(3) Đối với nguồn vốn: Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước:

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh dự kiến thêm số vốn để bố trí chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026-2030.

- Đối với các dự án khởi công mới: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh khẩn trương xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy theo quy định của tỉnh. Đồng thời, đảm bảo bố trí khởi công mới năm 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 89 của Luật Đầu tư công 2019 quy định: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó”*.

(4) Đối với nội dung nguồn vốn: Đầu tư từ nguồn sử dụng đất: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị không bố trí 42.296,367 triệu đồng tăng vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất.

(5) Bổ sung nội dung khẳng định việc dự kiến bố trí vốn đầu tư công năm 2025 được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công và đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn đầu tư công năm 2025 đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

(6) Tiếp tục rà soát các dự án, bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành và theo kế hoạch trung hạn, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho một số dự án giai đoạn tiếp theo, tiếp tục rà soát các dự án hoàn thành hết nhiệm vụ chi.

(7) Đối với nội dung ước giải ngân, cần thể hiện rõ các giải pháp phù hợp với số liệu ước dự kiến; rà soát, nghiên cứu kỹ để đưa ra các mức dự kiến có tính khả thi vì: Ước kết quả giải ngân tính đến ngày 30/6/2024 là: 433.892,332 triệu đồng/4.799.405 triệu đồng, bằng 9,04% kế hoạch; Ước kết quả giải ngân đến ngày 30/9/2024 là: 2.110.110,075 triệu đồng/4.799.405 triệu đồng, bằng 43,97% kế hoạch. Như vậy, số vốn giải ngân trong 03 tháng tiếp theo (từ 01/7/2024-30/9/2024) cao hơn 1.676.217,74 triệu đồng (tương đương 4,9 lần) so với số thực hiện 6 tháng đầu năm, tiềm ẩn việc khó đạt được.

(8) Báo cáo và bổ sung số liệu “Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến hết kế hoạch năm 2024” để đảm bảo số liệu đã bố trí đủ trong giai đoạn; Rà soát, bổ sung các số liệu tại các biểu, ví dụ: Tại biểu số 2, nội dung “B.2 Bố trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại”, hiện nay “Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao/dự kiến điều chỉnh” là 107.737,0 triệu đồng, “Dự kiến Kế hoạch năm 2025” là 24.380,789 triệu đồng, còn chênh lệch 83.356,211 triệu đồng; báo cáo và bổ sung số liệu “Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến hết kế hoạch năm 2024” để đảm bảo số liệu đã bố trí đủ trong giai đoạn.

(9) Tại biểu số 03, Dự án: “Đường giao thông đôn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các Mốc từ 520 đến 534” có thời gian thực hiện là 2021-2024, “Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao/dự kiến điều chỉnh” là 80.000,000 triệu đồng, “Lũy kế vốn đã bố trí từ năm 2021 đến hết kế hoạch năm 2024” là 78.831,000 triệu đồng, còn thiếu 1.169,000 triệu đồng. Bên cạnh đó, số vốn không được kéo dài là 33.589,442 triệu đồng nhưng chỉ đề xuất bố trí lại 32.027,000 triệu đồng. Như vậy, số vốn mất đi là 1.562,442 triệu đồng và còn 1.169,000 triệu đồng không được bố trí, đề nghị giải trình nguyên nhân lý do và khẳng định dự án vẫn đạt được mục tiêu đầu tư.

C. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT (14 NGHỊ QUYẾT)

I. Nghị quyết ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

- Các văn bản quy phạm pháp luật về hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí trong hoạt động xúc tiến thương mại được ban hành, sửa đổi. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành thêm Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 ban hành kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, các vấn đề phát sinh về xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh chưa được giải quyết toàn diện, triệt để.

- Theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước thì: *Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương...*

- Hiện nay, ngoài các nội dung và mức hỗ trợ theo quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, còn có một số hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh Cao Bằng phát sinh theo thực tế nhưng chưa có quy định về nội dung và mức hỗ trợ. Việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định về nội dung và mức hỗ trợ là phù hợp với khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Với những lý do nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Đảm bảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết về nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh gồm:

- Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại.

- Quy định về nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh Cao Bằng, gồm 24 nội dung (*trong đó: hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước: 13 nội dung; hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới: 6 nội dung; hoạt động xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, phát triển ngoại thương: 5 nội dung*).

- Quy định về nguồn kinh phí thực hiện.

5. Ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND

tinh xem xét chỉnh sửa, bổ sung và làm rõ một số nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết của dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

(1) Báo cáo, làm rõ về khả năng đáp ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung và mức hỗ trợ quy định tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính khả thi của nghị quyết.

(2) Về đối tượng áp dụng (Điều 2): Rà soát, chỉnh sửa lại từ ngữ, nội dung tại khoản 2 Điều 2 để không trùng lặp về đối tượng (*hộ sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số*).

(3) Bổ sung điều kiện để được hưởng các nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết (*điều kiện đối với đơn vị chủ trì, điều kiện đối với các đơn vị tham gia*).

(4) Các nội dung hỗ trợ đối với các hoạt động xúc tiến thương mại được cơ quan soạn thảo xây dựng khá chi tiết, tuy nhiên, trong thực tế thực hiện sẽ gặp vướng mắc trong việc thanh, quyết toán, do quy định chi tiết nhưng không đầy đủ hết các nội dung thực tế phát sinh. Đề nghị rà soát, quy định các nội dung hỗ trợ cho phù hợp.

(5) Đề nghị bổ sung mức hỗ trợ tối đa đối với hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 8, Điều 10, Điều 19 của dự thảo quy định.

(6) Một số mức hỗ trợ tại các hoạt động xúc tiến thương mại chưa đảm bảo theo mức hỗ trợ quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC. Đề nghị rà soát và chỉnh sửa, đảm bảo các mức hỗ trợ đối với các hoạt động xúc tiến thương mại tại dự thảo quy định đúng mức hỗ trợ quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC.

(7) Đối với quy định tại Điều 8: Đề nghị bố cục lại, chỉnh sửa nội dung cho phù hợp, dễ hiểu. Đồng thời đề nghị chỉnh sửa cụm từ “... *khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, Điều 6 của Thông tư số 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính*” ... thành “*Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của quy định này*”, do dự thảo Nghị quyết đang cụ thể hóa các Điều, khoản của Thông tư số 171/2014/TT-BTC, đồng thời khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, Điều 6 của Thông tư số 171/2014/TT-BTC đã được cụ thể hóa thành Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của quy định.

(8) Đối với 07 Điều² có nội dung và mức hỗ trợ không được quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC (*cơ quan soạn thảo căn cứ tình hình thực tế địa phương để xây dựng và quy định*), đề nghị báo cáo, làm rõ sự cần thiết, nguyên nhân, cơ sở thực tiễn để xây dựng nội dung và mức hỗ trợ đối với từng hoạt động xúc tiến thương mại này.

(9) Tại chương III của dự thảo quy định đang chỉ quy định 01 điều về nguồn kinh phí thực hiện, đề nghị nghiên cứu bỏ chương III, đối với quy định về nguồn kinh phí thực hiện có thể xem xét, bổ sung 01 Điều vào Chương I. Quy định chung.

² Gồm các Điều: 4, 10, 11, 12, 13, 14, 15

(10) Tại một số điều của dự thảo quy định, đang quy định nhiều nội dung hỗ trợ gồm: các khoản chi khác (nếu có), cụ thể: Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 23, Điều 24, Điều 25. Đề nghị rà soát, làm rõ, quy định cụ thể các nội dung được hỗ trợ (*không quy định các nội dung khác*), để quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết có sự thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị.

(11) Rà soát, xem xét, bổ sung nội dung quy định về số lần được hỗ trợ (trong một năm) đối với 01 đơn vị tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại như: tổ chức hội chợ triển lãm (Điều 3), tham gia hội trợ triển lãm (Điều 4), tổ chức các hoạt động bán hàng (Điều 5),... tránh tình trạng 01 doanh nghiệp, đơn vị được hỗ trợ rất nhiều lần trong một năm.

II. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trong đó, tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết, các trường hợp áp dụng hệ số K (*hệ số điều chỉnh giá đất*) đã được xác định theo quy định của một số văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

Ngày 05 tháng 2 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (*có hiệu lực từ ngày ban hành*). Theo đó, đã quy định về điều kiện áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất (*khoản 3 Điều 1*); bãi bỏ một số trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất (*khoản 2, 3 Điều 4*) đã được sử dụng làm căn cứ để xây dựng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND.

Vì quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 12/2024/NĐ-CP nên việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật. Đối với một số bước thực hiện có mâu thuẫn về mốc thời gian, tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 6 (ngày 21/6/2024), đại diện Sở Tư pháp đã khẳng định vẫn đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024, cụ thể:

“3. Các trường hợp áp dụng hệ số K

Hệ số K là hệ số giữa giá đất phổ biến trên thị trường so với giá đất quy định tại Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

...

5. Kết luận, kiến nghị

Tại thời điểm thẩm tra (ngày 28/6/2024), Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Nếu Luật Đất đai năm 2024 được giữ nguyên hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, nhất trí trình dự thảo nghị quyết tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 HĐND tỉnh khóa XVII.

Tuy nhiên ngày 29/6/2024, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị không trình dự thảo Nghị quyết này tại Kỳ họp thứ 20 (thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

III. Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thì HĐND cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì địa phương cần phải quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản các nhiệm vụ khoa học công nghệ, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Với những lý do nêu trên, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Đảm bảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh gồm 07 điều.

5. Kết luận, kiến nghị

5.1. Kết luận

- Ban KT-NS cơ bản nhất trí với hồ sơ trình thẩm tra; sự cần thiết, thẩm quyền ban hành; quy trình soạn thảo; nội dung dự thảo, trình thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Tại cuộc họp thẩm tra, các Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: (1) thời điểm trình ban hành Nghị quyết; (2) tên của Nghị quyết; (3) sự phù hợp giữa điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và đối tượng áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết; (4) vấn đề trùng lặp giữa nội dung của dự thảo Nghị quyết và Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; xem xét việc tích hợp 02 Nghị quyết; (5) Các căn cứ đề xuất các mức quy định tại dự thảo Nghị quyết; Làm rõ việc đề mức khác nhau giữa khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết và điểm c khoản 2 Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND.

5.2. Kiến nghị

Để giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, hoàn thiện nội dung dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện, bổ sung, làm rõ các vấn đề sau:

(1) Cung cấp văn bản, tài liệu làm rõ việc ban hành nội dung quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết là phù hợp, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh vì tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã quy định: *“Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị thuộc phạm vi được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định và được quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng;”*.

(2) Việc đưa ra các mức quy định *“Thẩm quyền quyết định”* tại các Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 của dự thảo nghị quyết được thực hiện theo văn bản qui định nào?.

(3) Rà soát, chỉnh sửa lại nội dung tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết cho chính xác.

(4) Xem xét kết cấu, bố cục lại dự thảo Nghị quyết theo hướng gộp các quy định từ Điều 1 đến hết Điều 5 của dự thảo Nghị quyết hiện nay thành Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

IV. Nghị quyết thông qua nhiệm vụ quy hoạch Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/5.000

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc (tỷ lệ 1/5.000) và Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm du lịch thác Bản Giốc (tỷ lệ 1/500) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 13/4/2017.

Ngày 29/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1248/TTg-CN về việc chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch Khu du lịch thác Bản Giốc. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 13/4/2017. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tổ chức lập điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng: Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Với những căn cứ nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua nhiệm vụ quy hoạch Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/5.000 là cần thiết, đúng thẩm quyền.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Thực hiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung quy hoạch xây dựng đã dự thảo các nội dung chính của nghị quyết:

“Điều 1. Thông qua nhiệm vụ quy hoạch Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/5.000 với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên đồ án.*
- 2. Mục tiêu lập quy hoạch.*
- 3. Quy mô, ranh giới lập quy hoạch.*

Điều 2, Điều 3: Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.”

5. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh xem xét tiếp thu chỉnh sửa và bổ sung, làm rõ một số nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, cụ thể:

(1) Về tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất lại tên dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

(2) Về căn cứ dự thảo Nghị quyết:

- Bổ sung thêm căn cứ: Thực hiện Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bổ sung cụm từ “Thực hiện” trước Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 13/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thay thế cụm từ: “Căn cứ” bằng cụm từ “Thực hiện” trước Công văn số 1248/TTg-CN ngày 29/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, và bỏ từ “cho” trong trích dẫn Công văn số 1248/TTg-CN ngày 29/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Đối với nội dung Quy mô, ranh giới lập quy hoạch: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung: Thời gian lập điều chỉnh quy hoạch.

(4) Đối với quy mô dân số (khoản 4 Điều 1): Bổ sung số liệu quy mô khách du lịch đến năm 2030 để thống nhất, đồng bộ với quy mô dân số.

(5) Đối với dự toán quy hoạch (khoản 9 Điều 1):

- Bổ sung chi phí kiểm toán vào dự toán quy hoạch.

(6) Đối với các nội dung về: Tính chất; Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Các yêu cầu nội dung nghiên cứu: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng các nội dung đúng theo quy định đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, các quy hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (bổ sung, điều chỉnh đợt 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai (*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*), Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện luôn phát sinh thêm các công trình, dự án cần triển khai đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hoặc các dự án có thông tin cần điều chỉnh, bổ sung.

Vì vậy, việc tiếp tục xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (*bổ sung, điều chỉnh đợt 2*) là cần thiết, phù hợp thực tiễn, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung dự thảo Nghị quyết gồm thông qua danh mục 07 dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (*bổ sung đợt 2*) và điều chỉnh diện tích thu hồi của 05 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại các Nghị quyết trước, cụ thể:

4.1. Các dự án bổ sung thu hồi đất năm 2024 (07 dự án với tổng diện tích đề nghị thu hồi là 3,1207 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,4007 ha, đất rừng phòng hộ: 0,958 ha, đất rừng đặc dụng: 0,0018 ha, đất khác: 1,7602 ha)

(1) Dự án Nhà văn hóa xóm Quang Trung, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng với diện tích đề nghị thu hồi là 0,0403 ha, gồm: đất trồng lúa: 0,0361 ha; đất khác: 0,0042 ha.

(2) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, xã Thành Công, xã Yên Lạc, huyện Nguyên Bình thuộc dự án cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, diện tích đề nghị thu hồi là 0,1292 ha, gồm: đất trồng lúa: 0,0119 ha; đất rừng phòng hộ: 0,0788; đất khác: 0,0385 ha.

(3) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Cốc Pàng, xã Kim Cúc, xã Khánh Xuân, xã Hưng Đạo, xã Hồng trị, huyện Bảo Lạc với diện tích đề nghị thu hồi là: 0,1448 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,0028 ha; đất rừng phòng hộ: 0,0726; đất khác: 0,0694 ha.

(4) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình; xã Lý Bôn, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm thuộc dự án: Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với diện tích đề nghị thu hồi là 0,1232 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,0022 ha; đất rừng phòng hộ: 0,0574; đất khác: 0,0636 ha.

(5) Dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tại xóm Đồng Tâm, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng với diện tích đề nghị thu hồi là: 0,22 ha, trong đó: đất rừng phòng hộ: 0,19 ha, đất khác: 0,03 ha.

(6) Dự án thành phần số 11: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Cao Bằng, thuộc dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục Hồ Bản Viết), diện tích đề nghị thu hồi là: 2,407 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,325 ha; đất rừng phòng hộ: 0,5520 ha, đất khác: 1,53 ha.

(7) Dự án xây dựng tạm hàng rào, barie, chốt kiểm soát và các nội dung phụ trợ khác tại khu cảnh quan Thác Bản Giốc (phục vụ vận hành thí điểm). Hạng mục: Hàng rào, chốt kiểm soát, với diện tích đề nghị thu hồi là: 0,0563 ha,

trong đó: đất trồng lúa: 0,0227 ha, đất rừng phòng hộ: 0,0072 ha, đất rừng đặc dụng: 0,0018 ha; đất khác: 0,0245 ha.

4.2. Các dự án điều chỉnh diện tích thu hồi đất

(1) Dự án Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn (huyện Hà Quảng): Đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi từ **0,45 ha** (đất rừng phòng hộ: 0,25 ha, đất khác 0,2 ha) thành **12,03 ha** (đất trồng lúa 0,13 ha, đất rừng phòng hộ: 2,84 ha, đất khác 9,06 ha).

(2) Dự án Đường giao thông liên xã: xã Lương Can - TT Thông Nông - xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi từ **0,55 ha** (đất trồng lúa: 0,12 ha, đất khác: 0,43 ha) thành **3,307 ha** (đất trồng lúa 0,524 ha, đất rừng phòng hộ: 0,564 ha, đất khác 2,219 ha).

(3) Dự án Đường nội đồng đầu cầu Lũng Mười - Bó Ngả, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình: Đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi từ **0,1 ha** (đất trồng lúa) thành **0,1385 ha** (đất trồng lúa: 0,0863 ha, đất khác: 0,052 ha).

(4) Dự án Trường Tiểu học Ca Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi từ **0,4 ha** (đất khác) thành **0,412 ha** (đất trồng lúa: 0,001 ha, đất rừng phòng hộ: 0,007, đất khác: 0,404 ha).

(5) Dự án Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông): Đề nghị diện tích thu hồi của hạng mục đường giao thông từ **10,34 ha** (đất trồng lúa: 3,2 ha, đất khác: 7,14 ha) thành **10,3821 ha** (đất trồng lúa: 3,2 ha, đất khác: 7,1821 ha)

5. Kết luận, kiến nghị

5.1. Kết luận

- Các công trình, dự án bổ sung vào danh mục dự án thu hồi đất năm 2024 (07 dự án theo mục 4.1 nêu trên) phù hợp về loại hình dự án được HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai. Tuy nhiên, đối với tổng diện tích thu hồi là: 3,1207 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,4007 ha, đất rừng phòng hộ: 0,958 ha, đất rừng đặc dụng: 0,0018 ha, đất khác: 1,7602 ha cần tiếp tục được rà soát, làm rõ, thống nhất.

- Nhất trí bổ sung 03 dự án, công trình vào danh mục các dự án, công trình thu hồi đất năm 2024 gồm: Dự án Nhà văn hóa xóm Quang Trung, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tại xóm Đồng Tâm, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Dự án xây dựng tạm hàng rào, barie, chốt kiểm soát và các nội dung phụ trợ khác tại khu cảnh quan Thác Bản Giốc (phục vụ vận hành thí điểm). Hạng mục: Hàng rào, chốt kiểm soát.

- Nhất trí điều chỉnh diện tích thu hồi của 02 dự án, công trình đã được HĐND tỉnh thông qua diện tích thu hồi đất tại các Nghị quyết trước, cụ thể: Dự án Đường nội đồng đầu cầu Lũng Mười - Bó Ngả, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình; Dự án Trường Tiểu học Ca Thành huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

5.2. Kiến nghị

Để giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, hoàn thiện nội dung dự thảo nghị quyết và nâng cao chất lượng xây dựng dự thảo nghị quyết tương tự trong thời gian tới, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện bổ sung, làm rõ các vấn đề sau:

5.2.1. Các vấn đề chung

- Giao trách nhiệm cho cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố rà soát chặt chẽ việc đăng ký diện tích thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh, tránh tình trạng chỉnh sửa diện tích thu hồi nhiều lần;

- Đối với biểu tổng hợp kèm theo Tờ trình dự thảo nghị quyết, đề nghị bổ sung thêm cột thông tin đối với dự án (*Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định giao vốn; tiến độ, giai đoạn đầu tư*); cột thông tin loại hình dự án (*là loại dự án gì theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*).

- Bổ sung căn cứ, cơ sở tài liệu để xác định diện tích đăng ký nhu cầu thu hồi đất đối với từng công trình, dự án. Đồng thời, thống kê, tổng hợp số liệu diện tích đăng ký thu hồi đối với các công trình, dự án cần chính xác đến m².

5.2.2. Các vấn đề cụ thể đối với từng công trình, dự án

(1) Đối với đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi của dự án Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn (huyện Hà Quảng) và Dự án Đường giao thông liên xã: xã Lương Can - TT Thông Nông - xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng: Diện tích đề nghị điều chỉnh thu hồi của 02 dự án này khá lớn so với diện tích thu hồi đã được HĐND tỉnh thông qua (*dự án Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn: tăng 11,58 ha; Dự án Đường giao thông liên xã: xã Lương Can - TT Thông Nông - xã Đa Thông: tăng 2,757 ha*). Đề nghị làm rõ nguyên nhân, lý do tăng diện tích thu hồi của 02 dự án, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc rà soát, tính toán diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án (*02 dự án mới được HĐND tỉnh thông qua thu hồi đất năm 2024 tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2023*).

(2) Đối với đề nghị điều chỉnh diện tích thu hồi của Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông): Đề nghị giải trình, bổ sung căn cứ chứng minh diện tích hộ bà Hoàng Thị Kiềm thuộc phạm vi dự án Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông). Đồng thời, làm rõ đã có quyết định thu hồi đất hay chưa? Trong trường hợp đã có quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị Kiềm, đề nghị không điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất vào diện tích thu hồi của dự án Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh.

(3) Đối với các công trình thuộc dự án cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:

- Làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong công tác đề xuất, tổng hợp đối với công trình cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Cốc Pàng, xã Kim

Cúc, xã Khánh Xuân, xã Hưng Đạo, xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc có diện tích, loại đất, địa danh hoàn toàn trùng khớp với các công trình đã có trong danh mục tại thứ tự 2 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

(4) Đối với Dự án thành phần số 11: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Cao Bằng, thuộc dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục Hồ Bản Việt): Làm rõ cơ sở, căn cứ pháp lý để đăng ký diện tích thu hồi đất đối với hạng mục mỏ đất đắp.

VI. Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (bổ sung, điều chỉnh đợt 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024.

Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã phát sinh thêm các dự án, công trình có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng với diện tích là dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là điều kiện quan trọng để triển khai đầu tư các dự án, công trình. Đồng thời, thực tế thi công các dự án, công trình trong danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 đã được thông qua có phát sinh điều chỉnh, thay đổi về số liệu.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (bổ sung, điều chỉnh đợt 02) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục 08 dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2024 (bổ sung đợt 2) và thực hiện điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng

phòng hộ, đất rừng đặc dụng của 04 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết trước, cụ thể:

4.1. Các dự án bổ sung chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2024 (08 dự án với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng là 3,2807 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,4007 ha, đất rừng phòng hộ: 0,982, đất rừng đặc dụng 0,0018 ha), cụ thể:

(1) Dự án nhà Văn hóa xóm Quang Trung, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 0,0361 ha.

(2) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình thuộc dự án Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 0,0119 ha, đất rừng phòng hộ: 0,0788 ha.

(3) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Cốc Pàng, xã Kim Cúc, xã Khánh Xuân, xã Hưng Đạo, xã Hồng trị, huyện Bảo Lạc: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 0,0028 ha, đất rừng phòng hộ: 0,0726 ha.

(4) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình; xã Lý Bôn, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm thuộc dự án: Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 0,0022 ha, đất rừng phòng hộ: 0,0574 ha.

(5) Dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tại xóm Đồng Tâm, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ: 0,19 ha.

(6) Dự án Trụ sở làm việc công an xã An Lạc thuộc công an huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ: 0,024 ha.

(7) Dự án Dự án thành phần số 11: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Cao Bằng, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục Hồ Bản Viết): Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đất trồng lúa: 0,325 ha, đất rừng phòng hộ: 0,5520 ha.

(8) Dự án Xây dựng tạm hàng rào, Barie, chốt kiểm soát và các nội dung phụ trợ khác tại khu cảnh quan Thác Bản Giốc (phục vụ vận hành thí điểm). Hạng mục: Hàng rào, chốt kiểm soát: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đất trồng lúa: 0,0227 ha, đất rừng phòng hộ: 0,0072 ha, đất rừng đặc dụng: 0,0018 ha; đất khác: 0,0245 ha.

4.2. Các dự án đề nghị điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

(1) Dự án Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn (huyện Hà Quảng): Đề nghị điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ 0 ha

thành 0,13 ha (*tăng 0,13 ha*); điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất rừng phòng hộ từ 0,25 ha thành 2,84 ha (*tăng 2,59 ha*).

(2) Dự án Đường giao thông liên xã: xã Lương Can - TT Thông Nông - xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ 0,12 ha thành 0,524 ha (*tăng 0,404 ha*); điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất rừng phòng hộ từ 0 ha thành 0,564 ha (*tăng 0,564 ha*).

(3) Dự án Đường nội đồng đầu cầu Lũng Mười – Bó Ngả, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình: Đề nghị điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ 0,1 ha thành 0,0863 ha (*giảm 0,0137 ha*).

(4) Dự án Trường Tiểu học Ca Thành huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Đề nghị điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ 0 ha thành 0,001 ha (*tăng 0,001 ha*); điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất rừng phòng hộ từ 0 ha thành 0,007ha (*tăng 0,007 ha*).

5. Kết luận, kiến nghị

5.1. Kết luận

- Các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2024 (*bổ sung lần 02*) là phù hợp với thẩm quyền phê duyệt của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 3,2807 ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,4007 ha, đất rừng phòng hộ: 0,982, đất rừng đặc dụng 0,0018 ha cần tiếp tục được rà soát, làm rõ, thống nhất với diện tích đăng ký thu hồi của một số công trình, dự án.

- Nhất trí bổ sung 03/08 dự án, công trình vào danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2024 (*bổ sung lần 02*) gồm: Dự án Nhà văn hóa xóm Quang Trung, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tại xóm Đồng Tâm, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Dự án xây dựng tạm hàng rào, barie, chốt kiểm soát và các nội dung phụ trợ khác tại khu cảnh quan Thác Bản Giốc (phục vụ vận hành thí điểm). Hạng mục: Hàng rào, chốt kiểm soát.

- Nhất trí điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của 02/04 dự án: Dự án Đường nội đồng đầu cầu Lũng Mười - Bó Ngả, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình; Dự án Trường Tiểu học Ca Thành huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

5.2. Kiến nghị

Để giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, hoàn thiện nội dung dự thảo nghị quyết và nâng cao chất lượng xây dựng dự thảo nghị quyết tương tự trong thời gian tới, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện bổ sung, làm rõ các vấn đề sau:

5.2.1. Các vấn đề chung

- Nghiên cứu, áp dụng giải pháp nhằm thực hiện đồng thời giữa chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng với điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng; chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Vì, nếu không hoàn thành các nghĩa vụ chuyển đổi, điều chỉnh thì dự án sẽ không đủ điều kiện khởi công, thực hiện đầu tư xây dựng. Việc không thực hiện đồng bộ dẫn tới nhà đầu tư, chủ đầu tư và các cơ quan chức năng phải thực hiện thủ tục nhiều lần; tiềm ẩn việc thiếu chính xác về số liệu hoặc thiếu hiểu biết không thực hiện nghĩa vụ dẫn tới sai phạm.

- Yêu cầu cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố nâng cao vai trò, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, vị trí, số liệu diện tích, loại đất của các công trình, dự án trình HĐND tỉnh thông qua.

5.2.2. Các vấn đề cụ thể đối với từng công trình, dự án

(1) Đối với dự án trụ sở làm việc Công an xã An Lạc thuộc Công an huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Cần làm rõ nguyên nhân diện tích theo chủ trương đầu tư (02 hạng mục nhà với diện tích 231 m² và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật nhỏ) nhưng diện tích đề nghị thu hồi, chuyển mục đích lại khá lớn (1.600 m²). Đồng thời, rà soát, làm rõ nguyên nhân hoặc điều chỉnh vì phần diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất có cả phần diện tích của đường giao thông (đường tỉnh 207).

(2) Làm rõ và chỉnh sửa, bổ sung cho thống nhất thông tin, số liệu trong từng công trình, dự án đã có ý kiến khi thẩm tra các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (*bổ sung, điều chỉnh đợt 2*) đối với 04 dự án bổ sung mới³ và 02 dự án điều chỉnh⁴ diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

VII. Nghị quyết Điều chỉnh Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 83 Luật Đầu tư công thì Hội đồng

³ Gồm: (1) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình thuộc dự án Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Cốc Pàng, xã Kim Cúc, xã Khánh Xuân, xã Hưng Đạo, xã Hồng trị, huyện Bảo Lạc; (3) Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia xã Phan Thanh, xã Hoa Thám, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình; xã Lý Bôn, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm thuộc dự án: Cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (4) Dự án Dự án thành phần số 11: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Cao Bằng, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục Hồ Bản Viết).

⁴ Gồm: (1) Dự án Đường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn (huyện Hà Quảng); (2) Dự án Đường giao thông liên xã: xã Lương Can - TT Thông Nông - xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

nhân dân các cấp có thẩm quyền và trách nhiệm xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

Tại mục 2 Văn bản số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: - **Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và tại Điều 83, Điều 84 Luật Đầu tư công năm 2019.** Trên cơ sở đó, vốn ngân sách Nhà nước 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Trong quá trình triển khai thực hiện, kinh phí đã giao cho một số cơ quan, đơn vị năm 2024 phân bổ cho dự án nhưng không thực hiện được, bởi một số nguyên nhân: Một số dự án được phân vốn theo tiêu chí tuy nhiên thực hiện thực tế lại không có đối tượng thực hiện; Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thiếu cơ chế thực hiện của Trung ương cần chuyển sang các dự án, tiểu dự án, nội dung đã có đầy đủ hướng dẫn thực hiện, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn; Năm 2024 Quốc hội ban hành Nghị quyết 111/2024/QH15 về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Do vậy, việc UBND tỉnh rà soát, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung Nghị quyết

4.1. Nội dung UBND tỉnh trình

4.1.1. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

a) Điều chỉnh vốn đầu tư:

- Điều chỉnh giảm vốn Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng tỉnh 560,62 triệu đồng, huyện Thạch An là 847 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh là 704 triệu đồng và huyện Hà Quảng là 703,62 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa các dự án của huyện Hoà An, Quảng Hoà, Bảo Lạc.

b) Điều chỉnh chi tiết vốn sự nghiệp

- Điều chỉnh giảm vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư 194 triệu đồng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 3.180 triệu đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh 388 triệu đồng, huyện Bảo Lạc 3.000 triệu đồng, huyện Thạch An 1.670 triệu đồng với tổng số vốn giảm là 8.432 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 4.216 triệu đồng và huyện Hà Quảng 4.216 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa các dự án của huyện Bảo Lâm, huyện Hòa An, huyện Nguyên Bình, thành phố Cao Bằng, Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

4.1.2. Điều chỉnh vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

- Điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp giao cho Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội 3.478 triệu đồng; Sở Xây dựng 300 triệu đồng và Thành phố Cao Bằng 170 triệu đồng, với tổng số vốn giảm là 3.948 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho Sở Thông tin và Truyền thông là 3.000 triệu đồng; Sở Giáo dục và Đào tạo 195 triệu đồng; huyện Hạ Lang 583 triệu đồng; huyện Hà Quảng là 170 triệu đồng.

- Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện: Hạ Lang, Thạch An, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Hòa và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.3. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa nội dung của các huyện Quảng Hòa, huyện Nguyên Bình và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4.2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

4.1. Tại cuộc họp thẩm tra, các Thành viên của Ban Kinh tế - Ngân sách đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: Nguyên nhân, lý do điều chỉnh một số dự án; Việc điều chỉnh tăng giảm nội bộ giữa các huyện; Căn cứ và khả năng giải ngân của các đơn vị khi được điều chỉnh tăng.

4.2. Để có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện một số nội dung sau:

(1) Bổ sung báo cáo giải trình các phương án điều chỉnh, bổ sung đề đại biểu thuận tiện theo dõi do tài liệu trong hồ sơ dự thảo nghị quyết chưa thể hiện rõ nguyên nhân, lý do, số vốn điều chỉnh chi tiết đối với từng nội dung.

(2) Tiếp tục rà soát lại số liệu tại các biểu và thống nhất với phần lời tại dự thảo Nghị quyết,

- Tại nội dung điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tại nội dung *Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện*, đề nghị rà soát bổ sung đơn vị thành phố Cao Bằng (theo biểu thì tại dự án 7 điều chỉnh giữa tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2).

- Tại Biểu số 1, đề nghị rà soát số liệu: Huyện Hà Quảng, tổng vốn đầu tư ban đầu 89.786 triệu đồng, sau điều chỉnh là 90.490,62 tăng 704,62 triệu đồng chưa thống nhất với số liệu tại dự thảo Nghị quyết là tăng 703,62 triệu đồng.

(3) Bổ sung các văn bản của các huyện, sở, ngành đề xuất điều chỉnh về Ban KT-NS để đối chiếu và trao đổi lại với các địa phương, đơn vị.

(4) Báo cáo bằng văn bản đối với những nội dung chỉnh sửa, bổ sung, thay đổi về nội dung dự thảo nghị quyết sau thẩm tra.

VIII. Nghị quyết Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thì: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.*

Trong quá trình triển khai thực hiện, kinh phí đã giao cho một số cơ quan, đơn vị năm 2022, năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 phân bổ cho dự án nhưng không thực hiện được, bởi một số nguyên nhân như: Một số dự án được phân vốn theo tiêu chí tuy nhiên thực hiện thực tế lại không có đối tượng thực hiện; Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thiếu cơ chế thực hiện của Trung ương cần chuyển sang các dự án, tiểu dự án, nội dung đã có đầy đủ hướng dẫn thực hiện, bảo đảm tiến độ giải ngân vốn.

Việc rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2022, năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là cần thiết và UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết là đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo nghị quyết

4.1. Nội dung UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo nghị quyết với các nội dung sau:

4.1.1. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

a) Điều chỉnh vốn năm 2022:

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của huyện Thạch An.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, huyện Thạch An, huyện Bảo Lạc với tổng là 21.166,77 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh và huyện Hà Quảng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Quảng Hòa, với tổng là: 32,67 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 32,67 triệu đồng.

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Hòa An, Trùng Khánh, thành phố Cao Bằng, Nguyên Bình, Hạ Lang.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Thông tin và Truyền thông, huyện Thạch An, huyện Quảng Hòa, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng, với tổng là: 2.844,734 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 1.421,864 triệu đồng và huyện Hà Quảng 1.422,87 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, huyện Hạ Lang, huyện Bảo Lạc, huyện Thạch An với tổng là: 41.823,871 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho huyện Trùng Khánh 20.913,3 triệu đồng và huyện Hà Quảng 20.910,571 triệu đồng

+ Điều chỉnh nội bộ giữa các dự án của Ban Dân tộc và các huyện Bảo Lâm, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh, Hạ Lang, thành phố Cao Bằng.

4.1.2. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Điều chỉnh vốn năm 2022

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn 488,338 triệu đồng của thành phố Cao Bằng để bổ sung tăng cho huyện Hà Quảng: 488,338 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Hòa An, thành phố Cao Bằng.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023:

- Vốn đầu tư: Điều chỉnh giảm vốn 10.150,37 triệu đồng của Trường trung cấp nghề để bổ sung tăng cho: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 618,67 triệu đồng và huyện Bảo Lâm 9.531,7 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp:

+ Điều chỉnh giảm vốn: Trường Trung cấp nghề, Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thành phố Cao Bằng với tổng là: 14.204,94 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho: Sở Lao động thương binh và xã hội là 426,67 triệu đồng, huyện Bảo Lâm là 10.831,7 triệu đồng, huyện Hạ Lang là 1.897 triệu đồng, huyện Hà Quảng 1.049,57 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vốn giữa các dự án, tiểu dự án của các huyện: Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hòa An, thành phố Cao Bằng”.

c) Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục dự án:

- Giảm vốn 02 danh mục: (1) Nâng cấp, xây dựng mới Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng là 10.150,37 triệu đồng; (2) Dự án Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến), kết nối Cung cầu lao động là 298,0744 triệu đồng.

- Bổ sung vốn cho 01 dự án: Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung cầu lao động (giai đoạn 2).

- Bổ sung danh mục 01 Dự án “Nâng cấp phần mềm quản lý lao động, việc làm, thị trường lao động” của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.1.3. Điều chỉnh vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn năm 2022:

- Vốn đầu tư:

+ Điều chỉnh giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã của huyện Quảng Hòa là 559,676 triệu đồng. Số vốn giảm này bổ sung tăng cho xã Nam Tuấn huyện Hòa An.

+ Điều chỉnh nội bộ vốn tại huyện Bảo Lâm, giảm vốn các dự án không chi hết tại các xã khác để tăng vốn cho xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm thực hiện công trình.

+ Điều chỉnh, bổ sung vốn và danh mục dự án năm 2022 của huyện Hòa An và huyện Bảo Lâm.

- Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Bảo Lạc.

b) Điều chỉnh vốn năm 2023

Vốn sự nghiệp: Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ vốn giữa các nội dung thực hiện của huyện Hòa An, Trùng Khánh, Quảng Hòa.

4.2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

4.1. Tại cuộc họp thẩm tra, các Thành viên của Ban Kinh tế - Ngân sách đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: Nguyên nhân, lý do điều chỉnh

một số dự án; Nội dung điều chỉnh tăng giảm nội bộ vốn giữa các nội dung thực hiện của các huyện; Căn cứ và khả năng giải ngân của các đơn vị khi được điều chỉnh tăng (đặc biệt là huyện Bảo Lâm); Nội dung tiếp tục bố trí vốn cho huyện Hà Quảng khi huyện đã có công văn đề nghị không áp dụng cơ chế đặc thù.

4.2. Để có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, thực hiện một số nội dung sau:

(1) Bổ sung báo cáo giải trình các phương án điều chỉnh, bổ sung để đại biểu thuận tiện theo dõi do tài liệu trong hồ sơ dự thảo nghị quyết chưa thể hiện rõ nguyên nhân, lý do, số vốn điều chỉnh chi tiết đối với từng nội dung.

(2) Sửa tiêu đề Điều 1 theo ý kiến của Sở Tư pháp: “*tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết cần quy định thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết*”.

(3) Bổ sung các văn bản của các huyện, sở, ngành đề xuất điều chỉnh về Ban KT-NS để đối chiếu và trao đổi lại với các địa phương, đơn vị.

(4) Tiếp tục rà soát kỹ lưỡng (trước ngày diễn ra kỳ họp) với các huyện, các đơn vị đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh và khẳng định khả năng giải ngân đối với số vốn điều chỉnh tăng.

(5) Rà soát lại số liệu tại các biểu và thống nhất với phần lời của dự thảo Nghị quyết.

(6) Báo cáo bằng văn bản đối với những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, thay đổi về nội dung dự thảo nghị quyết sau khi Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra.

IX. Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Tại khoản 1 Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: “*Căn cứ kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: - Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 83 và Điều 84 Luật Đầu tư công năm 2019*”.

Trong quá trình triển khai thực hiện, kinh phí đã giao cho một số cơ quan, đơn vị năm 2022, năm 2023, năm 2024 phân bổ cho dự án nhưng không thực hiện được, bởi một số nguyên nhân. Năm 2024 Quốc Hội ban hành Nghị quyết

111/2024/QH15 về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Vì vậy cần rà soát kế hoạch vốn các năm 2022-2024 để điều chỉnh, bổ sung giữa các dự án và các đơn vị để thực hiện giải ngân vốn.

Do vậy, việc rà soát, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

4. Về nội dung Nghị quyết

4.1. Nội dung UBND tỉnh trình

4.1.1. Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng từ 2.815.606 triệu đồng lên 2.821.478 triệu đồng, cụ thể:

a. Điều chỉnh vốn Ngân sách trung ương thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi như sau:

- Điều chỉnh giảm vốn giao cho Sở Thông tin truyền thông 1.000 triệu đồng; Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh 788,487 triệu đồng; Huyện Quảng Hòa 745,534 triệu đồng; Huyện Thạch An 904,0 triệu đồng để tăng vốn cho Hà Quảng 1.726,534 triệu đồng; huyện Trùng Khánh 1.711,487 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng giảm vốn nội bộ giữa các dự án của các huyện Hà Quảng, Hòa An và Thạch An.

b. Bổ sung vốn đối ứng ngân sách địa phương giao cho UBND thành phố 5.600,0 triệu đồng (đã giao thực hiện cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa).

4.1.2. Điều chỉnh vốn thực hiện Ngân sách trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các huyện như sau:

+ Điều chỉnh giảm vốn giao cho các xã, huyện Quảng Hòa tổng là 599,676 triệu đồng tăng cho xã Nam Tuấn huyện Hòa An.

+ Điều chỉnh giảm của các xã khác tổng là 387,512 triệu đồng để tăng vốn cho xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm.

4.1.3. Điều chỉnh bổ sung biểu giao danh mục chi tiết dự án đầu tư 2021-2025 giao cho các sở, ban, ngành.

4.2. Ý kiến của Ban KT-NS

4.2.1. Tại cuộc họp thẩm tra, các Thành viên của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: Nguyên nhân, lý do việc điều chỉnh giảm, điều chỉnh nội bộ dự án giữa các huyện; Nguyên nhân lý do chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững không thực hiện điều chỉnh; Căn cứ đề xuất mức điều chỉnh tăng cho các huyện và dự kiến bố trí vốn tăng cho các tiểu dự án, dự án (02 huyện Trùng Khánh, Hà Quảng xem xét làm tròn số 01 huyện);

4.2.2. Để có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện một số nội dung sau:

(1) Làm rõ nguyên nhân, nội dung điều chỉnh 5.600,0 triệu đồng điều chỉnh tăng cho thành phố vượt tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định.

(2) Rà soát đối với 02 huyện Trùng Khánh, Hà Quảng đảm bảo nguồn vốn thực hiện theo cơ chế đặc thù được điều chỉnh tăng dự kiến bố trí cho các dự án đảm bảo khả thi về giải ngân, đồng thời tiếp tục rà soát đối với các huyện còn lại đảm bảo đúng nội dung do huyện đề nghị.

(3) Tiếp tục rà soát lại số liệu tại các biểu và thống nhất với phân lời tại dự thảo Nghị quyết.

(4) Bổ sung các văn bản của các huyện, sở, ngành đề xuất điều chỉnh về Ban KT-NS để đối chiếu và trao đổi lại với các địa phương, đơn vị.

(5) Báo cáo bằng văn bản đối với những nội dung chỉnh sửa, bổ sung, thay đổi về nội dung dự thảo nghị quyết sau khi Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra (*kèm theo dự thảo nghị quyết sau chỉnh sửa, bổ sung*).

X. Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh Cao Bằng thông qua tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Đến nay, một số dự án cần bố trí vốn khởi công mới, bố trí vốn cho dự án dự kiến hoàn thành năm 2024 chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng;

Tại khoản 7 Điều 67 của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 quy định: “7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp ...”.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 2) là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung Nghị quyết:

4.1. Nội dung UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 2) với các nội dung sau:

4.1.1. Điều chỉnh tăng 80.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công vốn Ngân

sách địa phương năm 2024 tỉnh Cao Bằng do bổ sung nguồn vốn:

- Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển, số vốn: 80.000 triệu đồng.

Sau khi điều chỉnh, tổng kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Cao Bằng tăng từ 4.590.362,136 triệu đồng lên 4.670.362,136 triệu đồng.

4.1.2. Thông qua danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án đối với số vốn điều chỉnh tăng 80.000 triệu đồng.

4.1.3. Điều chỉnh vốn của 03 dự án nguồn Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển:

a. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư của 03 dự án, số vốn điều chỉnh giảm là: 4.257,887 triệu đồng.

b. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn khởi công mới của 03 dự án, số vốn điều chỉnh tăng là: 84.257,887 triệu đồng

4.1.4. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

a. Nguồn vốn Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án, tổng số vốn điều chỉnh giảm là: 12.719,464 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 03 dự án, tổng số vốn điều chỉnh tăng là: 12.719,464 triệu đồng.

b. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án, tổng số vốn điều chỉnh giảm là: 11.203 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 01 dự án, tổng số vốn điều chỉnh tăng là: 11.203 triệu đồng.

4.2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

4.1. Tại cuộc họp thẩm tra, các Ủy viên của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo về: Nội dung điều chỉnh 03 dự án xem xét chỉnh sửa số điều chỉnh tăng và số điều chỉnh giảm bằng nhau; bổ sung quyết định phê duyệt dự án của 03 dự án khởi công mới để đảm bảo bố trí vốn đúng quy định; Nguyên nhân, lý do, số vốn bố trí, thời gian thực hiện đối với việc điều chỉnh một số dự án⁵.

⁵ Dự án Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng, dự án Khu tái định cư đường phía Nam Khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng, dự án Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

4.2. Để có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện một số nội dung sau:

(1) Rà soát, điều chỉnh chính xác số liệu đã nêu tại điểm b khoản 3 Điều 1 (hiện đang dự thảo là: “Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn khởi công mới của 03 dự án, số vốn điều chỉnh tăng là: 84.257,887 triệu đồng” Ban KT-NS đề nghị chỉnh sửa lại thành: “Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn khởi công mới của 03 dự án, số vốn điều chỉnh tăng là: 4.257,887 triệu đồng” để khớp với số vốn đã giao chuẩn bị đầu tư.

(2) Bổ sung nội dung giải trình lý do không thực hiện điều chỉnh giảm toàn bộ số vốn chuẩn bị đầu tư của 03 dự án là 5.495,0 triệu đồng chuyển sang khởi công mới mà chỉ thực hiện giảm 4.257,887 triệu đồng, vẫn còn 1.237,113 triệu đồng chuẩn bị đầu tư.

(3) Cung cấp bổ sung quyết định phê duyệt dự án của 03 dự án được bổ sung vốn khởi công mới. Trường hợp đến kỳ họp vẫn chưa có quyết định phê duyệt của 03 dự án, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh không thông qua nội dung bổ sung vốn 80.000 triệu đồng cho 03 dự án trên. Do không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Đầu tư công quy định Điều kiện để Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí kế hoạch đầu tư công hàng năm: “Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định”.

(4) Chỉ đạo các cơ quan tham mưu khi trình các Nghị quyết phân bổ vốn cần rà soát kỹ lũy kế vốn đã bố trí để bố trí vốn đúng, đủ và tránh trường hợp bố trí vượt tổng mức đầu tư (ví dụ như các dự án: Xây dựng mới trụ sở UBND xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; Dự án: Điều chỉnh hồ sơ địa chính các xã, huyện sau sáp nhập; Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng...). Trên cơ sở đó, rà soát và khẳng định các số liệu là chính xác.

Đối với nguyên nhân điều chỉnh một số dự án “Điều chỉnh giảm KH vốn 2024 để đảm bảo lũy kế số vốn bố trí đến hết năm 2024 của dự án bằng KH vốn trung hạn” tại biểu kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh cần làm rõ hơn, cụ thể:

+ Dự án “Xây dựng mới trụ sở UBND xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng”, tại tờ trình này số *Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023* của dự án là **3.700,0 triệu đồng**, tuy nhiên tại Tờ trình UBND trình đề ban hành Nghị quyết số 100/NQ-HĐND, *Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023* của dự án này **1.700,0 triệu đồng**.

+ Dự án: “Điều chỉnh hồ sơ địa chính các xã, huyện sau sáp nhập”, Tại Tờ trình này số *Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023* là **13.000,0 triệu đồng**, Tổng mức đầu tư là 21.048,9 triệu đồng, còn tại Tờ trình UBND trình đề ban hành Nghị quyết số 100/NQ-HĐND *Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023* là **12.000,0 triệu đồng**, Tổng mức đầu tư là 22.000,0 triệu đồng.

XI. Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông) (lần 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Dự án: Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông) được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 và được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 1) tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 với tổng mức đầu tư là 100 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách trung ương, thời gian thực hiện dự án từ 2022-2025.

Để hoàn thiện tuyến trục chính đến điểm kết nối lên cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch, việc bổ sung vốn cho dự án này là cần thiết. Thực hiện Công văn số 5721/BKHĐT-TH ngày 19/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về vốn ứng trước chưa thu hồi thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công: cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó.

Vì vậy, việc UBND tỉnh HĐND tỉnh ban hành nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) dự án Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông) là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh quy mô và thời gian thực hiện dự án: Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông) (lần 2), cụ thể:

Nội dung điều chỉnh	Đã phê duyệt <i>(Tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 15/7/2021; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/5/2022)</i>	Điều chỉnh
Quy mô đầu tư	Đầu tư khu tái định cư với	Đầu tư khu tái định cư với

Nội dung điều chỉnh	Đã phê duyệt <i>(Tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 15/7/2021; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/5/2022)</i>	Điều chỉnh
	đầy đủ hệ thống kỹ thuật để bố trí tái định cư, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Quy mô khu tái định cư khoảng 3,0 ha.	đầy đủ hệ thống kỹ thuật để bố trí tái định cư, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. Quy mô khu tái định cư khoảng 3,72 ha.
	Giải phóng mặt bằng tuyến trục chính khu trung chuyển, diện tích khoảng 8,5ha.	Đầu tư xây dựng tuyến trục chính khu trung chuyển chiều dài khoảng 800m.
Tổng mức đầu tư	100.000.000.000 đồng	156.173.139.000 đồng

Các nội dung không điều chỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Về Quy mô đầu tư UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh với lý do:

+ Đầu tư khu tái định cư với đầy đủ hệ thống kỹ thuật để bố trí tái định cư, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng: từ “*Quy mô khu tái định cư khoảng 3,0 ha*” lên “*Quy mô khu tái định cư khoảng 3,72 ha*” do thu hồi thêm diện tích mái đào, đắp, đắp và tuyến đường kết nối với khu tái định cư của huyện.

+ Giải phóng mặt bằng tuyến trục chính khu trung chuyển: từ “*Giải phóng mặt bằng tuyến trục chính khu trung chuyển, diện tích khoảng 8,5ha*” thành “*Đầu tư xây dựng tuyến trục chính khu trung chuyển chiều dài khoảng 800m*” do quá trình GPMB thực hiện dự án phát sinh tăng kinh phí so với dự toán (thực hiện GPMB tuyến trục chính khu trung chuyển với diện tích khoảng 2,4 ha – tương đương 500m tuyến trục chính), số diện tích còn lại cần GPMB không đủ kinh phí để thực hiện.

Qua nghiên cứu nguyên nhân lý do UBND tỉnh trình điều chỉnh quy mô đầu tư dự án, Ban KT-NS nhất trí.

- Về Tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh: Tăng từ 100 tỷ đồng lên 156,173 tỷ đồng. Kinh phí bổ sung 56.173.139.000 đồng để thi công 460m tuyến nối khu trung chuyển với cửa khẩu Trà Lĩnh và bổ sung chi phí giải phóng mặt bằng tuyến trục chính và thi công khoảng 800m tuyến trục chính.

Qua nghiên cứu nguyên nhân lý do UBND tỉnh trình điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án, Ban KT-NS nhất trí.

5. Kết luận, kiến nghị

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông) (lần 2).

Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ thêm nội dung về số vốn tăng thêm 56.173.139.000 đồng, cụ thể:

(1) Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án.

(2) Tính khả thi về dự kiến nguồn vốn bố trí cho dự án từ nguồn vốn NSTW và điều chỉnh từ các dự án điều chỉnh giảm của tỉnh.

XII. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành nghị quyết

Trụ sở Báo Cao Bằng đưa vào hoạt động năm 2011, năm 2020 đã được UBND tỉnh cấp kinh phí để cải tạo sửa chữa nhưng chỉ đủ để sửa chữa một số hạng mục, hiện nay nhiều hạng mục đã xuống cấp. Do vậy, cần đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Trụ sở Báo Cao Bằng nhằm đảm bảo điều kiện làm việc tương xứng với vai trò, chức năng nhiệm vụ của Báo Cao Bằng.

Dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng là dự án nhóm C. Theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công thì: HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Đầu tư công thì HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 17 của Luật này.

Vì vậy, việc ban hành nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng với các nội dung sau:

4.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng.

4.2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng đảm bảo yêu cầu sử dụng, tạo sự thuận tiện trong hoạt động, tăng hiệu quả công tác cho đơn vị. Tạo không gian kiến trúc đẹp, hài hòa và phù hợp với yêu cầu về quy hoạch và phát triển của công trình.

4.3. Quy mô đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc: Nhà 4 tầng, tổng chiều cao nhà 16,75 m, tổng diện tích sàn: 2.657,6 m².

4.4. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4.5. Tổng mức đầu tư dự án: 2.990.000.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn*).

4.6. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

4.7. Địa điểm thực hiện dự án: Tổ 5, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

4.8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2026.

4.9. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý II - III năm 2024: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.

- Quý IV năm 2024: Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình và các Nhà thầu tư vấn liên quan; khởi công xây dựng công trình.

- Năm 2025: Thi công hoàn thành công trình, lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Năm 2026: Trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

4.10. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

5. Kết luận, kiến nghị

5.1. Nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết về: Mục tiêu; phân loại nhóm dự án (nhóm C); tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; chủ đầu tư.

5.2. Tại cuộc họp thẩm tra, các Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan về tên của nghị quyết, thời gian thực hiện dự án, việc phân bổ vốn cho dự án theo từng năm.

Đồng thời, để có đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh thực hiện các nội dung sau:

(1) Nội dung sửa chữa trong mục quy mô đầu tư dự án bao gồm nhiều hạng mục, trong khi số vốn đầu tư chỉ được bố trí là 2,9 tỷ đồng nên cần khẳng định số vốn này đã bố trí đủ để thực hiện toàn bộ hạng mục như dự kiến.

(2) Thời gian thực hiện dự án trong giai đoạn năm 2024 - 2026 là đúng theo quy định về thời gian thực hiện dự án nhóm C (*không quá 03 năm*). Tuy nhiên, đối với công trình nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ, để tạo điều kiện cho cán bộ sớm có điều kiện làm việc tốt hơn, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đẩy nhanh tiến độ thực hiện và sớm đưa dự án vào sử dụng.

XIII. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

2. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành nghị quyết

Đài phát thanh - Truyền hình Cao Bằng được xây dựng từ năm 1996 và đưa vào hoạt động năm 2000, các hạng mục còn lại vì được xây dựng và sử dụng đã lâu nên đã xuống cấp. Do vậy, cần đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng tạo điều kiện làm việc tốt hơn, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và phát huy mạnh mẽ vai trò của Đài Phát thanh - Truyền hình.

Dự án: Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng là dự án nhóm C. Theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công thì: HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Đầu tư công thì HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 17 của Luật này.

Vì vậy, việc ban hành nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng với các nội dung sau:

4.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

4.2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng đảm bảo yêu cầu sử dụng, tạo sự thuận tiện trong hoạt động, tăng hiệu quả công tác cho đơn vị. Tạo không gian kiến trúc đẹp, hài hòa và phù hợp với yêu cầu về quy hoạch và phát triển của công trình.

4.3. Quy mô đầu tư

Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc: Nhà 4 tầng tổng chiều cao nhà 16,75 m, tổng diện tích sàn 2.657,6 m².

4.4. Dự án nhóm: Dự án nhóm C.

4.5. Tổng mức đầu tư dự án: 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng chẵn*).

4.6. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

4.7. Địa điểm thực hiện dự án: Số 87, phố Bế Văn Đàn, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

4.8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2026.

4.9. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý II - III năm 2024: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.
- Quý IV năm 2024: Lựa chọn Nhà thầu thi công xây dựng công trình và các Nhà thầu tư vấn liên quan; khởi công xây dựng công trình.
- Năm 2025: Thi công hoàn thành công trình, lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Năm 2026: Trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

4.10. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

5. Ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS

5.1. Đối với nội dung dự thảo nghị quyết: Ban KT-NS nhất trí các nội dung về: Mục tiêu; phân loại nhóm dự án (nhóm C); tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; chủ đầu tư.

5.2. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tỉnh đề nghị UBND tỉnh làm rõ thêm các nội dung sau:

(1) Nội dung sửa chữa trong mục quy mô đầu tư dự án bao gồm nhiều hạng mục, trong khi số vốn đầu tư chỉ được bố trí là 3,0 tỷ đồng, vậy số vốn này có đủ để thực hiện toàn bộ các hạng mục như dự kiến không?

(2) Thời gian thực hiện dự án trong giai đoạn năm 2024 - 2026 là đúng theo quy định về thời gian thực hiện dự án nhóm C (*không quá 03 năm*). Tuy nhiên, đối với công trình nhỏ có tổng mức đầu tư 3,0 tỷ, để tạo điều kiện cho cán bộ sớm có điều kiện làm việc tốt hơn, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, UBND tỉnh cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đẩy nhanh tiến độ thực hiện và sớm đưa dự án vào sử dụng.

XIV. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

2. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, Ủy ban điều phối cấp tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) đã phối hợp tổ chức Lễ vận hành thí điểm cho du khách qua lại khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên

(Trung Quốc) theo hiệp định⁶ ký kết giữa Chính phủ hai nước. Khu vực thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) là khu vực nhạy cảm, để làm tốt công tác quản lý biên giới lãnh thổ, đảm bảo an ninh trật tự, đáp ứng yêu cầu đối ngoại cũng như thu hút du khách trong và ngoài nước, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (đặc biệt là các công trình biên giới) tại khu vực này là cần thiết.

Dự án: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là dự án nhóm B. Theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công thì: HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Đầu tư công thì HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 17 của Luật này.

Đồng thời, việc thực hiện dự án: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (*Thông báo số 44/TB-VPCP ngày 21/02/2023 của Văn phòng Chính phủ*) và kết luận của Thường trực Tỉnh ủy (*Công văn số 3149-CV/VPTU ngày 17/6/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng*).

Việc UBND tỉnh xây dựng trình, ban hành nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết đã đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết

4.1. Nội dung UBND tỉnh trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án với các nội dung sau:

4.1.1. Tên dự án: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4.1.2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan khu du lịch thác Bản Giốc đảm bảo hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và cảnh quan đồng bộ, hiện đại đáp ứng các yêu cầu phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước, góp phần thu hút du khách và nâng cao năng lực đón, phục vụ du khách của khu du lịch thác Bản Giốc. Nhằm tạo điều kiện cho Cao Bằng

⁶ Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

mở rộng hợp tác, giao lưu và kết nối phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng với cả nước và quốc tế.

4.1.3. Quy mô đầu tư:

- *Khu tái định cư*: Bố trí khu tái định cư tại xóm Cô Muông, số lô đất tái định cư khoảng 110 lô đất ở ($200\text{m}^2/1\text{lô}$).

- *Khu bãi đỗ xe và khu trung tâm điều hành*: Đầu tư xây dựng bãi đỗ xe và khu trung tâm điều hành. Đầu tư khu trung tâm điều hành, bãi đỗ xe khách du lịch đón tiếp và đưa đón khách bằng xe điện nội bộ đến các điểm du lịch đảm bảo vận hành Khu hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Xây dựng nhà trung tâm điều hành để phục vụ các lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, tiếp đón khách, thực hiện hội đàm và các khu chức năng dịch vụ.

- *Chợ truyền thống xã*: Đầu tư xây dựng chợ truyền thống xã tại xóm Cô Muông, thay thế chợ cũ tại xóm Bản Rạ có diện tích chật chội không đáp ứng yêu cầu hoạt động, nhằm tạo sinh kế tốt hơn cho nhân dân trong khu vực xã Đàm Thủy. Xây dựng đình chợ, các khu phụ trợ 01 tầng.

- *Chợ thương mại biên giới mốc 834*: Đầu tư xây dựng chợ thương mại biên giới đối diện với chợ thương mại biên giới bên phía Trung Quốc. Các khu chức năng: Chợ thương mại, dịch vụ; bãi đỗ xe điện và khu cảnh quan sát đường biên giới. Xây dựng các nhà dịch vụ chợ theo quy hoạch.

- *Khu cảnh quan chân thác*: Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng cảnh quan chân thác Bản Giốc.

- *Khu cảnh quan mốc 834-835*: Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng cảnh quan khu vực mốc 834-835 (khu vực mốc 53 cũ).

- *Khu xử lý chất thải rắn xã Đàm Thủy*: Đầu tư khu xử lý chất thải rắn cho toàn bộ xã Đàm Thủy với công suất xử lý chất thải rắn khoảng 20 tấn/ngày. Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn bằng lò đốt kết hợp công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, gồm: khu tập kết rác thô, khu tách lọc phân loại, khu lò đốt; khu chôn lấp; khu điều hành.

Đầu tư đường nối vào khu xử lý từ (tính từ điểm đầu nối đường TL 206) chiều dài khoảng 0,3 km.

- *Nhà máy cấp nước sinh hoạt và tuyến ống cấp nước*: Nâng cấp Nhà máy cấp nước sinh hoạt từ công suất 100 m^3 /ngày đêm lên thành công suất 850 m^3 /ngày đêm, đồng thời cải tạo nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước. Xây dựng nhà máy cấp nước tại khu vực xóm Đồng Tâm - Bản Rạ.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp trạm bơm nước thô bờ sông Quây Sơn từ công suất 100 m^3 /ngày đêm lên thành đạt công suất 850 m^3 /ngày đêm; Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt từ công suất 100 m^3 /ngày đêm lên thành đạt công suất 850 m^3 /ngày đêm, gồm: Bể lắng và bể lọc; Trạm bơm; Bể chứa nước sạch; Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước phân phối cho toàn khu trung tâm khu du lịch và trung tâm xã.

- Đường tránh khu vực dân cư xóm Bản Giốc: Xây dựng tuyến đường tránh khu vực dân cư xóm Bản Giốc theo Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thác Bản Giốc đã phê duyệt.

4.1.4. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4.1.5. Tổng mức đầu tư dự án: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

4.1.6. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Trung ương.

4.1.7. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4.1.8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

4.1.9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2024 - 2025: Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2026 - 2027: Thi công xây dựng công trình, hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

4.1.10. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

4.2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

4.1. Tại cuộc họp thẩm tra, các Ủy viên của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu vấn đề và cơ bản nhất trí với nội dung giải trình, bổ sung làm rõ của đại diện UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo đối với một số nội dung: Sự cần thiết phải đầu tư; Sự phù hợp về quy hoạch.

4.2. Để có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét biểu quyết thông qua nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh làm rõ:

(1) Tổng mức đầu tư 350 tỷ có đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu tư 09 hạng mục như Báo cáo đề xuất đầu tư lập không? đề nghị UBND tỉnh cần tập trung ưu tiên lựa chọn một số hạng mục cấp thiết để đầu tư đảm bảo có tính khả thi đối với nguồn vốn 350 tỷ.

(2) Đối với quy mô khu tái định cư: 110 lô có đảm bảo đáp ứng nhu cầu tái định cư của bà con nhân dân có đủ tiêu chuẩn tái định cư không? đề nghị UBND tỉnh cần rà soát lại kỹ lưỡng để đầu tư mang tính tổng thể, đảm bảo tính khả thi, đáp ứng nhu cầu của nhân dân theo quy định.

(3) Căn cứ để tính toán ra kinh phí: Dự toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư: 63,8192 tỷ đồng có đảm bảo đáp ứng các nội dung cần GPMB của dự án?

(4) Các dự án hạng mục đề xuất theo dự án: Bãi đỗ xe và khu trung tâm điều hành, chợ thương mại biên giới, khu tái định cư, chợ truyền thống xã đầu tư đáp ứng nhu cầu thực tế, tuy nhiên chưa phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc được duyệt. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát đảm bảo việc thực hiện đúng quy định.

(5) Theo quy định của Bộ Xây dựng: Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh $\leq 5\%$ và có thêm Chi phí dự phòng trượt giá⁷. Tuy nhiên, dự toán hiện nay tổng Chi phí dự phòng 12.256,7/350.000,0 triệu đồng tương ứng 3,5%, đề nghị UBND tỉnh rà soát lại và khẳng định các chi phí dự phòng đã đảm bảo theo quy định.

(6) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát các hạng mục đầu tư đảm bảo hợp lý, phù hợp với thực tế để tránh việc phải điều chỉnh nhiều lần.

Trên đây là báo cáo thẩm tra đối với các Báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 20 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2024) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Ban KT-NS HĐND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

La Văn Hồng

⁷ Quy định tại điểm 6, phụ lục II, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng